Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 4403.25

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 4403.25 |
| **Mô tả hàng hóa** | Gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô / - Loại khác, từ cây lá kim: / - - Loại khác, có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 09/11/2026 09:45:42 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/440325/ |

## 2 dòng thuế thuộc 4403.25

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 4403.25.10 | Gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô / - Loại khác, từ cây lá kim: / - - Loại khác, có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên: / - - - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng | kg/m3 | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 4403.25.90 | Gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô / - Loại khác, từ cây lá kim: / - - Loại khác, có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên: / - - - Loại khác | kg/m3 | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.